

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-05-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Xuân Bằng

2. Ông Trương Thanh Hợi

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:* Bà Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lang Thị D, sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn Mé, xã Ái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/05/2021) .

- Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn Mé, xã Ái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 24/03/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/03/2021 và quá trình giải quyết vụ án chị L Thị D trình bày: Chị và anh Trương Văn T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2013 tại UBND xã Ái Thương, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh T không chịu khó làm ăn, thường xuyên rượu chè, lô đề, cờ bạc, chị khuyên nhủ nhiều lần anh T hứa thay đổi nhưng không thay đổi, mình chị phải lo toan, gánh vác gia đình, mâu thuẫn nên từ năm 2018 chị đã ly thân với anh T, quá trình ly thân anh T có hứa sửa chữa mong chị tha thứ quay về đoàn tụ nhưng chị đã cho anh nhiều cơ hội, hiện nay chị đã mất

niềm tin vào anh T nên không đồng ý đoàn tụ. Nay chị xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, bản thân chị không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Văn T.

- Về con cái: Vợ chồng chị có 02 chung tên là Trương Thị Tố Uyên, sinh ngày 21/10/2013 và Trương Thị Thu Phương, sinh ngày 12/12/2016. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh T và bố mẹ anh T, ly hôn chị có nguyện vọng giao anh T tiếp tục nuôi cả 02 con chung, chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng, tổng 02 cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2021 anh Tuấn trình bày: Anh với chị D đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Ái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn cuộc sống diễn ra bình thường, kinh tế khó khăn nên vợ chồng mỗi người đi làm ăn một nơi, tình cảm dần xa cách, từ năm 2018 chị D đã không còn về chung sống với anh nữa, trong suốt quá trình đi làm bên không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị D yêu cầu ly hôn bản thân anh thấy vợ chồng không còn phù hợp với nhau nên cũng đồng ý ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng anh có 02 chung là Trương Thị Tố Uyên, sinh ngày 21/10/2013 và Trương Thị Thu Phương, sinh ngày 12/12/2016. Từ khi ly thân anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con chung, anh yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, tổng cả 02 cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị D đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Tuấn. Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Tuấn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị D được ly hôn anh T. Về con cái: Giao 02 con chung là Trương Thị Tố Uyên, sinh ngày 21/10/2013 và Trương Thị Thu Phương, sinh ngày 12/12/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên, chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, tổng cả 02 cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Đề nghị miễn tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lang Thị D và anh Trương Văn T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2013 tại UBND xã Ái Thương, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, cả hai vợ chồng đều đi làm ăn xa. Vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt xa cách. Cả hai bên đều cảm thấy không còn phù hợp với nhau nữa và đều có nguyện vọng muốn ly hôn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Việc này đã được mẹ đẻ của anh T là bà Bùi Thị Hằng và chính quyền địa phương xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lang Thị D được ly hôn anh Trương Văn T để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Chị Dung và anh T có 02 con chung là Trương Thị Tố Uyên, sinh ngày 21/10/2013 và Trương Thị Thu Phương, sinh ngày 12/12/2016. Từ khi vợ chồng ly thân nhau cả hai cháu do anh Tuấn và mẹ anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, điều này cũng đã được thể hiện trong biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Khi ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng giao 02 cháu Trương Thị Tố Uyên và Trương Thị Thu Phương cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét yêu cầu của hai bên đương sự là hoàn toàn chính đáng. Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định bình thường cho con trẻ, tránh sự sáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Dung và anh T, giao anh T trực tiếp nuôi 02 con chung là Trương Thị Tố Uyên và Trương Thị Thu Phương là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của cháu Tố Uyên và các quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án chị D, anh T không thống nhất được với nhau về mức cấp dưỡng. Anh Tuấn yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, tổng cả 02 cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D có nguyện vọng cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng, tổng 02 cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Xét thấy, từ nhỏ các cháu đã ở với anh T, để đảm bảo điều kiện ăn uống học hành của các cháu phù hợp với mức sống hiện tại, để cho các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Nghĩ cần, buộc chị Dung có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, tổng cả 02 cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi kể từ tháng 5

năm 2021 là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Do chị Lang Thị D là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Thái), sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chị D đã có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Vì vậy cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lang Thị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 227, điều 228, điều 238, điểm a khoản 2 điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lang Thị D được ly hôn anh Trương Văn T.

Về con cái: Giao cháu Trương Thị Tố Uyên, sinh ngày 21/10/2013 và Trương Thị Thu Phương, sinh ngày 12/12/2016 cho anh Trương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị Lang Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng /tháng), tổng cả 02 cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi các cháu Tố Uyên và Thu Phương đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị Lang Thị D có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lang Thị D.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lang Thị D và anh Trương Văn T. Chị D và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bá Thước;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- UBND xã Ái Thượng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hối

Cao Xuân Bằng

Phạm Văn Hùng

